

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM DƯƠNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày 16 - 9 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Kim Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Nghi.

*Thư ký phiên toà:* Bà Phùng Thị Tuyết Mai, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Xuân Thùy, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng- Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Viết Thanh Tùng; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Dương (Ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành Trung- Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Dương (ủy quyền số 89/UQ-PGD ngày 22/5/2020) (có mặt)

*Bị đơn:* Bà Phan Thị M, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1969

- Chị Hoàng Thị M1, sinh năm 1993.

Đại diện theo ủy quyền của bà M, chị M1: Ông Hoàng Văn L (Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2020) (có mặt).

Điều cư trú tại: Tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Trung trình bày:* Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Dương đã triển khai cho vay Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đến các thôn, xóm trên địa bàn huyện nói chung và thị trấn HH nói riêng. Ngày 19/10/2011 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn đối với chủ hộ Bà Phan Thị M là đại diện hộ gia đình, người thừa kế là ông Hoàng Văn L ở Tổ dân phố VP, thị trấn HH, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, thời điểm đó thuộc gia đình bà M thuộc đối tượng hộ nghèo được Ủy ban nhân dân thị trấn HH, huyện Tam Dương xác nhận, bà M đại diện chủ hộ đứng ra vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Dương tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng, lãi suất vay là 0.65%/ tháng và lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi vay; mục đích vay: Dùng trang trải chi phí học tập cho chị Hoàng Thị M1 (là con gái) sinh viên trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội, thời gian học từ tháng 09/2011 đến tháng 07/2015. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (phòng giao dịch huyện Tam Dương) đã giải ngân số tiền nêu trên vào 08 đợt vay, mỗi đợt vay 5.000.000 đồng. cụ thể: đợt 1: ngày 19/10/2011; đợt 2: ngày 27/2/2012; đợt 3: ngày 6/11/2012; đợt 4: ngày 27/2/2013; đợt 5: ngày 18/10/2013; đợt 6: ngày 27/2/2014; đợt 7: ngày 15/11/2014; đợt 8: ngày 14/4/2015. Thời hạn trả nợ trên đơn là ngày 15/10/2020. Sau đó do thời gian nhập học và thời gian dự kiến ra trường của sinh viên thay đổi nên hai bên đã nhất trí thỏa thuận, thống nhất điều chỉnh lại thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/3/2020, phân kỳ trả nợ 6 tháng/kỳ, số tiền 5.000.000 đồng/kỳ, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 14/7/2016 (thể hiện tại bản thỏa thuận ngày 23/6/2016). Trong quá trình vay Bà Phan Thị M đã trả được cho Ngân hàng số tiền lãi là 1.600.000đ.

Đến ngày 14/3/2020 hộ vay Bà Phan Thị M đã đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, tuy nhiên bà M và ông người liên quan ông L không trả nợ. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã chuyển nợ quá hạn cùng ngày và thông báo đến hộ vay. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và đôn đốc trả nợ nhưng bà M và ông L không chấp hành.

Tính đến thời điểm 21/5/2020 hộ vay Phan Thị Minh còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ). Đến nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc hộ Bà Phan Thị M phải trả số tiền tính đến ngày 21/5/2020 là

60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ).

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng xác định vào thời điểm tháng 11/2019 bà M và ông L có đề nghị với Ngân hàng để trả nợ số tiền nợ gốc 40.000.000đ, nợ lại tiền lãi và đề nghị tắt toán khoản vay nợ trên, nhưng Ngân hàng không đồng ý vì theo quy định của Ngân hàng không cho tắt toán món vay nếu chưa thanh toán xong nợ gốc và lãi theo hồ sơ vay vốn. Sau đó rất nhiều lần Ngân hàng có thông báo, đơn đốc trả nợ nhưng gia đình bà M ông L không trả nợ, mặc dù sinh viên Mai đã ra trường có việc làm. Đến nay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu bà M và người liên quan là ông L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 21/5/2020 tổng số tiền là: 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ) và đề nghị phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn nợ kể từ ngày 22/5/2020 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn L trình bày:* Năm 2011 do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông bà có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Dương cho cháu Hoàng Thị M1 (là con gái của vợ chồng ông bà) theo học tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (theo chính sách vay vốn sinh viên đi học đại học) với tổng số tiền vay là 40.000.000đ. Bà M là người đại diện hộ gia đình trực tiếp ký vào sổ vay vốn và nhận tiền, ông là người ký thừa kế, lãi suất là 0,65%/1 tháng. Trong quá trình vay ông bà đã trả được cho Ngân hàng số tiền lãi là 1.600.000đ. Ông bà xác định toàn bộ số tiền vay trên là sử dụng vào việc cho con gái là Hoàng Thị M1 đi học đại học. Năm 2015 chị M1 đã ra trường nhưng chưa có việc làm ổn định, hiện nay đã lấy chồng. Vì lý do gia đình gặp nhiều khó khăn nên ông bà chưa trả nợ được cho Ngân hàng, mới trả được tổng số tiền lãi là 1.600.000đ. Đến ngày 25/11/2019 ông bà có vay được một khoản tiền là 45.000.000đ ông bà có mời ngân hàng đến nhà để trả số tiền là 40.000.000đ tiền gốc và 5.000.000đ tiền lãi và đề nghị phía Ngân hàng cho nợ lại 8.000.000đ tiền lãi, nhưng Ngân hàng chính sách không đồng ý. Sau đó ông bà lại sử dụng số tiền trên vào việc chăn nuôi và làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi như tính toán của đại diện Ngân hàng.

Đến nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2020 là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ). Quan điểm của ông và bà M là xác nhận số tiền trên còn nợ ngân hàng. Tuy nhiên do kinh tế gia đình gặp khó khăn không có khả năng trả nợ nên ông bà chỉ trả được cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số tiền gốc còn lại là 20.000.000đ

và toàn bộ tiền lãi cho ông bà. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý vụ án, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 467 Bộ luật dân sự; Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/9/2007; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, buộc Bà Phan Thị M và ông Hoàng Văn L phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 21/5/2020 là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ). Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích vay vốn theo chính sách cho sinh viên đi học đại học, nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch vay tài sản giữa các bên phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, thời điểm ký kết và phát sinh quyền và nghĩa vụ là năm 2011. Nội dung và hình thức của giao dịch dân sự phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án là Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 19/10/2011, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Tam Dương đã thực hiện cho vay vốn đối với Bà Phan Thị M là đại diện gia đình, người thừa kế là ông Hoàng Văn L thuộc đối tượng hộ nghèo được vay vốn chương trình học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn với số tiền là 40.000.000đ, lãi suất: 0,65%/ tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay: 108 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng 1 lần, số tiền trả nợ: 5.000.000đ/ lần, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/10/2020. Sau đó hai bên đã nhất trí thỏa thuận, thống nhất điều chỉnh lại thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/3/2020, phân kỳ trả nợ 6 tháng/kỳ, số tiền 5.000.000 đồng/kỳ, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 14/7/2016 (thể hiện tại bản thỏa thuận ngày 23/6/2016).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều xác nhận bà M và ông L đã trả cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là: 1.600.000đ (đã trả làm 4 lần). Tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 21/5/2020 là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ). Tuy nhiên ông L trình bày do kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng trả nợ nên ông chỉ trả Ngân hàng được số tiền gốc là 20.000.000đ, đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đ và toàn bộ tiền lãi đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ cho gia đình ông. (ông L xác định từ năm 2015 đến nay gia đình ông không thuộc hộ nghèo nữa). Đề nghị trên của ông L không được Ngân hàng đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ký kết vay vốn giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, các bên đều hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình được ghi giấy đề nghị vay vốn và sổ vay vốn. Gia đình bà M, ông L đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng đúng mục đích là cho con chung là Hoàng Thị M1 (sinh viên đại học). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông L xác nhận chị M1 học xong ra trường tháng 8/2015 và đã có việc làm. Tại bản thỏa thuận ngày 23/6/2016, hai bên đã nhất trí thỏa thuận, thống nhất điều chỉnh lại thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 14/3/2020, phân kỳ trả nợ 6 tháng/kỳ, số tiền 5.000.000 đồng/kỳ, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 14/7/2016. Tuy nhiên từ đó đến nay bà M, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng. Do đó Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu bà M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 21/5/2020 là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm trả nợ: Mặc dù trong giấy đề nghị vay vốn thể hiện bà M là người ký sổ vay vốn và người thừa kế là ông Hoàng Văn L là chồng cùng ký kết vay vốn với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam mục đích vay là sử dụng cho con chung là Hoàng Thị M1 đi học đại học. Do đó ông Hoàng Văn L phải có trách nhiệm liên đới cùng Bà Phan Thị M trả nợ đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Từ đánh giá trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà Phan Thị M và ông Hoàng Văn L phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 21/5/2020 là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ) và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 22/5/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị M và ông Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật tương ứng đối với số tiền phải trả là:  $60.305.867đ \times 5\% = 3.015.293đ$  (làm tròn là 3.015.000đ).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc Bà Phan Thị M và ông Hoàng Văn L phải trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tổng số tiền tính đến hết ngày 21/5/2020 là 60.305.867đ (trong đó tiền gốc: 40.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 19.551.000đ; lãi quá hạn: 754.867đ)

Kể từ ngày 22/5/2020 Bà Phan Thị M và ông Hoàng Văn L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị M và ông Hoàng Văn L phải chịu số tiền 3.015.000đ (đã làm tròn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Dung**